

ĐC. 215 (B')
L302S

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN BÌNH LỤC

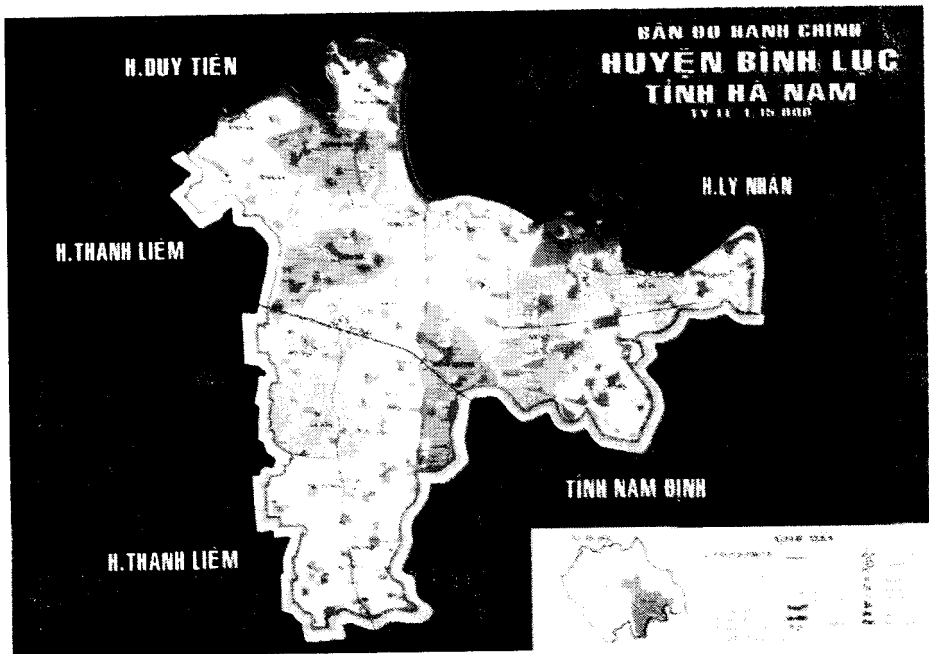
LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN BÌNH LỤC
(1930 - 2005)

HỒ CHÍ MINH
L. 302S

ĐC: 308



BÌNH LỤC, THÁNG 10 - 2005



Bản đồ hành chính huyện Bình Lộc sau khi tái lập tỉnh Hà Nam năm 1997.

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Lục là một bộ phận của lịch sử Đảng bộ Tỉnh Hà Nam, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam và không thể tách rời lịch sử dân tộc Việt Nam. 75 năm qua, dưới sự lãnh đạo của BCH Trung ương Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến và của Tỉnh uỷ Hà Nam, Đảng bộ và nhân dân Huyện Bình Lục đã vượt qua bao khó khăn, thử thách để cùng cả nước đấu tranh giành chính quyền, kháng chiến chống thực dân Pháp, chống Mỹ, cứu nước và xây dựng CNXH. Những sự kiện lịch sử, những chiến công oanh liệt, những thắng lợi to lớn mà Đảng bộ và nhân dân ta đã đạt được trong 75 năm qua mãi mãi sẽ là niềm tự hào của các thế hệ đảng viên và nhân dân Bình Lục.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã quyết định tiếp tục biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn (1955 - 2005). Đồng thời có bổ sung và chỉnh sửa một vài ý trong cuốn sơ thảo lịch sử Đảng bộ và nhân dân Huyện Bình Lục giai đoạn (1930 - 1954) đã được Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá XX chỉ đạo biên soạn và phát hành tháng 9 năm 1990, sau khi đã sưu tầm thêm những tài liệu mới và được các hội nghị hội thảo nhất trí thông qua. Đồng thời thống nhất in

ấn thành một quyển lấy tên là : Lịch sử Đảng bộ Huyện Bình Lục (1930 - 2005) để thuận lợi cho việc nghiên cứu và lưu hành .

Sau một thời gian sưu tầm, biên soạn đến nay cuốn lịch sử Đảng bộ Huyện Bình Lục (1930 - 2005) đã hoàn thành .

Cuốn sách được chia thành 5 phần, gồm 10 chương.

Phần thứ nhất: Vùng đất, con người và truyền thống.

Phần thứ hai: Đảng bộ huyện Bình Lục ra đời, lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền cách mạng (1927-1945).

Phần thứ ba: Đảng bộ lãnh đạo bảo vệ thành quả cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).

Phần thứ tư: Đảng bộ lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

Phần thứ năm: Lãnh đạo thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1976-2005).

Nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2005 và chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quyết định cho xuất bản và phát hành cuốn sách nói trên nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện ôn lại chặng đường lịch sử mà Đảng bộ và nhân dân Bình Lục đã đi qua. Từ đó nâng cao niềm tự hào với truyền thống quê hương, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa, xây dựng Bình Lục ngày thêm giàu đẹp .

Mặc dù Tổ biên soạn đã có nhiều cố gắng trong sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn, song chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong bạn đọc góp ý phê bình để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn.

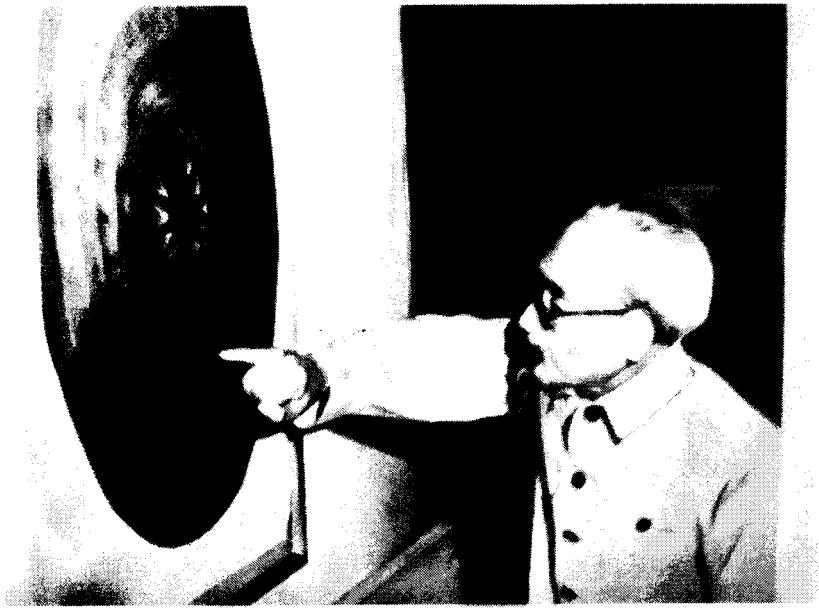
Nhân dịp cuốn sách ra mắt bạn đọc, Ban Thường vụ huyện uỷ Bình Lục xin chân thành cảm ơn Tỉnh uỷ Hà Nam, Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban thường vụ, Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá XX và các đồng chí sưu tầm, biên soạn cuốn sơ thảo lịch sử Đảng bộ và nhân dân Huyện Bình Lục giai đoạn (1930 - 1954), các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của huyện qua các thời kỳ, các Đảng bộ cơ sở, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đã nhiệt tình giúp đỡ để cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Lục giai đoạn (1930-2005) được xuất bản đúng vào dịp kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng, 60 năm ngày thành lập nước và Đại hội Đảng bộ Huyện Bình Lục lần thứ XXV.

Bình Lục, ngày 30 tháng 9 năm 2005

T/M Ban chấp hành Đảng bộ huyện Bình Lục

Bí thư

Trần Anh Tài



Hồ Chủ tịch xem hoa văn trống đồng Ngọc Lũ.

Phần thứ nhất

VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

1. Quá trình hình thành huyện Bình Lục

Bình Lục là huyện đồng bằng châu thổ Sông Hồng, ở phía đông nam tỉnh Hà Nam; phía bắc giáp huyện Lý Nhân, Duy Tiên; phía nam giáp huyện Ý Yên, Vụ Bản của tỉnh Nam Định; phía tây giáp huyện Thanh Liêm và phía đông giáp huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định.

Huyện Bình Lục có tên từ thời Trần. Khi nước ta bị nhà Minh thống trị, huyện bị lệ thuộc vào phủ Lý Nhân thuộc Giao Châu. Dưới thời nhà Lê, huyện lần lượt nằm trong Nam Đạo (1428), Thừa tuyên Sơn Nam (1466), sau đổi thành xứ Sơn Nam (1490) và trấn Sơn Nam (1509-1516). Vào năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) trấn Sơn Nam chia thành hai lộ Sơn Nam Thượng lộ và Sơn Nam Hạ lộ thì Bình Lục phủ Lý Nhân thuộc lộ Sơn Nam Thượng. Thời Tây Sơn (1788-1802) lại đổi lộ thành trấn, huyện Bình Lục đổi tên là Ninh Lục thuộc phủ Lý Nhân trấn Sơn Nam Thượng.

Dưới thời Nguyễn, trấn Sơn Nam Hạ gọi là Nam Định; trấn Sơn Nam Thượng chỉ còn là Sơn Nam thuộc *Bắc Thành tổng trấn*. Năm 1831, Bắc Thành tổng trấn bị bãi bỏ. Ninh Lục trở lại tên cũ là Bình Lục, phủ Lý Nhân đổi thành phủ Lý

Nhân. Năm 1832, Bình Lục cùng Nam Xang lập thành phân phủ Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội. Trong hai năm (1832 - 1833) huyện Bình Lục không do phủ Lý Nhân kiêm lý, mà được đặt lại chức tri huyện kiêm nhiếp luôn cả huyện Thanh Liêm. Năm 1834, *xứ Bắc Kỳ* được thành lập, phân phủ Lý Nhân bị bãi bỏ. Bình Lục lại thuộc phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nội, gồm 4 tổng (Ngô Khê, Bồ Xá, An Đỗ, Mai Động) với 37 xã.

Năm Đông Khánh thứ 3 (1888) thành lập thành phố Hà Nội; phần còn lại của tỉnh Hà Nội đổi gọi là tỉnh Hà Đông. Kể từ thời điểm này trở đi, địa giới của huyện Bình Lục có nhiều thay đổi.

Vào ngày 21-3-1890, nhà cầm quyền Pháp ra Nghị định đưa *tổng Ngọc Lũ* (Mỹ Lộc- Nam Định), *tổng Cổ Viễn* (Thượng Nguyên- Nam Định), *tổng Vụ Bản* (Vụ Bản- Nam Định) và *tổng mới Văn Mỹ* (được thành lập từ một số xã tách ra từ tổng Ngô Khê của huyện Nam Xang và một số xã thuộc tổng Đọi Sơn- Duy Tiên) về huyện Bình Lục đưa số tổng của huyện lên 8 tổng; rồi cùng với huyện Thanh Liêm, Nam Xang lập thành phủ Liêm Bình nhập về tỉnh Nam Định. Chỉ 7 tháng sau, ngày 20-10-1890 tỉnh Hà Nam được thành lập thì Bình Lục và các huyện trong phủ Liêm Bình được tách khỏi tỉnh Nam Định, nhập trở về phủ Lý Nhân của tỉnh Hà Nam.

Từ tháng 3-1910 đến tháng 3-1923, Bình Lục thuộc *Đại lý Hà Nam* lệ thuộc vào tỉnh Nam Định. Sau đó, khi tỉnh Hà Nam tái lập, huyện Bình Lục trở lại như cũ gồm có 8 tổng

(Ngô Xá, Bô Xá, Văn Mỹ, Ngọc Lũ, An Đổ, Vụ Bản, Mai Động, Cổ Viễn) với số xã dao động từ 67-70 đơn vị.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, bãi bỏ các đơn vị hành chính trung gian là cấp tổng, thành lập các đơn vị xã làm đơn vị hành chính cơ sở.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp do yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, ngày 28-5-1949, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên Khu III ra Quyết nghị số 584NG/Q lập các xã với quy mô lớn như : *An Lão* (Bối Kênh, An Lão), *Liên Đích* (Liên Đích, Tiêu Động), *La Hào* (La Hào, La Sơn), *An Đổ* (Giáp Bầy, Phù Tả), *Trung Lương* (Giáp Ba, Trung Lương), *Mỹ Thọ* (Mỹ Thọ, An Dương), *Bối Cầu* (Cao Cối, Bối Cầu), *Đồn Xá* (Đồn Xá, Bô Xá), *Ngô Khê* (Ngô Khê, Tràng Duệ), *Cát Lại* (Cát Lại, An Quốc), *Trịnh Xá* (An Cư, Trịnh Xá), *Đình Xá* (Tái Kênh, Đình Xá) và giữ nguyên xã An Nội, Văn áp, Vụ Bản, Hưng Công, Ngọc Lũ, Vũ Bị, An Ninh, Thành Thị, Đồng Du, Tử Thanh, Tiên Khoán, Nguyễn Xá. Ngày 18-11-1949, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên Khu III ra tiếp Quyết nghị số 1191NG/Q hợp nhất xã Vũ Bản với xã Thành Thị lấy tên là xã Vũ Bản, xã An Ninh hợp nhất với xã Nguyễn Xá lấy tên là xã An Ninh, xã Ngọc Lũ hợp nhất với xã Văn áp lấy tên là xã Ngọc Lũ, xã An Nội, xã Tử Thanh, xã Tiên Khoán hợp nhất lấy tên là xã An Nội.

Hoà bình lập lại, việc thay đổi địa danh, địa giới hành chính trong huyện Bình Lục vẫn tiếp diễn. Khi địa

phương nằm trong Nam Hà, Hà Nam Ninh và cả khi Hà Nam tái lập.

Ngày 29-1-1966, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ra Quyết định số 24-NV hợp nhất hai xã Tiêu Động và Bình Thành lấy tên là Tiêu Động; sáp nhập thôn Vĩnh Tứ thuộc xã Hoà Bình vào xã Quế Sơn; sáp nhập xóm Quang Trung thuộc xã Đồng Du về xã Hưng Công; sáp nhập thôn Ngọc Lâm thuộc xã Hưng Công về xã Bồi Cầu.

Ngày 15-9-1969 Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 177/CP hợp nhất hai huyện Bình Lục và Thanh Liêm thành huyện Thanh Bình. Trong quá trình chuẩn bị sáp nhập do nhiều lý do khác nhau đến ngày 19-1-1974 Hội đồng Chính phủ ra quyết định phê chuẩn số 17/CP về việc dừng hợp nhất hai huyện Bình Lục và Thanh Liêm .

Ngày 18-12-1976, Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 1506-TCCP hợp nhất xã Quế Tân và xã Hoà Bình vào xã An Lão.

Ngày 27-4-1977, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 125-CP sáp nhập 9 xã thuộc thành phố Nam Định là Mỹ Thịnh, Mỹ Thuận, Mỹ Tiến, Mỹ Thành, Mỹ Hà, Mỹ Thắng, Mỹ Phúc, Mỹ Hưng, Mỹ Trung vào huyện Bình Lục (tuy nhiên vào ngày 12-1-1984 Hội đồng Bộ trưởng lại ra Quyết định số 5-HĐBT bàn giao hai xã Mỹ Phúc, Mỹ Trung về thành phố Nam Định).

Ngày 13-2-1987, thị trấn Bình Mỹ được thành lập tại Quyết định số 26-HĐBT để lập huyện lỵ của huyện Bình

Lục với diện tích 256.83 ha đất và dân số 1571 người⁽¹⁾.

Ngày 6-11-1996, Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 10 đã phê chuẩn việc tái lập tỉnh Hà Nam. Theo đó, huyện Bình Lục bàn giao lại cho tỉnh Nam Định 7 xã để tái lập huyện Mỹ Lộc vào tháng 2-1997.

Như vậy, hiện tại huyện Bình Lục có diện tích 15.166 ha bao gồm thị trấn huyện lỵ Bình Mỹ (256.83 ha) và 20 xã.

Với mức đất nông nghiệp bình quân cho 1 hộ chừng 2.800m² (năm 1994 là 2945m²) một khẩu chừng 700m² (năm 1994 là 753m²), Bình Lục còn phải cố gắng vươn lên nhiều mặt để trở thành một vùng quê giàu có, tiến hành hiện đại hoá và công nghiệp hoá một cách mạnh mẽ.

Huyện Bình Lục ngày nay thể hiện đầy đủ của một Bình Lục gốc ra đời từ hàng ngàn năm trước, kết hợp với nhiều vùng đất lân cận vốn từ Mỹ Lộc, Thượng Nguyên, Vụ Bản, Nam Xang, Duy Tiên mà hợp thành, tạo ra sự đa dạng phong phú về điều kiện phát triển kinh tế và truyền thống văn hoá, lịch sử.

2. Địa lý tự nhiên: Bình Lục nằm trong khu vực đồng bằng tích tụ trũng xen đồi sót, cấu tạo biển nông và sông biển. Đặc trưng cơ bản nhất của đồng ruộng trong huyện là thấp và bằng phẳng, dốc thẳng từ đông bắc xuống tây nam.

(1). Thị trấn huyện lỵ Bình Mỹ thành lập trên cơ sở 1.44 ha đất, 51 nhân khẩu của xã An Đổ; 164,48 ha đất và 947 nhân khẩu của xã An Mỹ; 90 ha đất với 573 nhân khẩu của xã Mỹ Thọ và 3,91 ha đất của xã Trung Lương

Đây là kết quả của quá trình bồi đắp phù sa của sông Hồng và sự chinh phục đồng bằng của các lớp cư dân thời cổ đại. Tuy sử dụng phương thức chủ yếu là lấn biển, quá trình khai thác diễn ra chậm chạp do mật độ dân cư lúc đầu còn thưa thớt mà đất đai thì màu mỡ nên vào thời kỳ xuất hiện các quốc gia Văn Lang- Âu Lạc, Bình Lục cơ bản đã trở thành một khu vực quần cư quan trọng.

Bên cạnh các đồi phiến sa thạch, đá kết ở khu vực Quế Sơn- dấu vết của những đỉnh thuộc hệ thống núi đã bị sụt võng, do con người sớm can thiệp bằng cách đắp đê ngăn lũ nên đất đai ở đây trở thành dạng đồng bằng tích tụ trũng xen đồi sót; một loại đồng chiêm trũng điển hình “sống ngâm da, chết ngâm xương”, được gọi là “cái rốn nước” của đồng bằng Bắc bộ. Đồng ruộng trước đây thường chỉ cấy một vụ, sau nhiều năm được cải tạo bởi hệ thống thủy nông quy mô, nhiều nơi đã thành ruộng 2 vụ.

Khí hậu ở Bình Lục phù hợp với việc gieo trồng lúa nước và nhiều loại cây nhiệt đới khác. Nhiệt độ không khí trung bình trong năm là $22,5^{\circ} - 23,5^{\circ}\text{C}$ và lượng mưa trung bình 1.400 - 2.000mm, tổng nhiệt là 8300-8700 $^{\circ}$ /năm. Do việc mùa đông có tới 3 tháng nhiệt độ trung bình xuống dưới 18°C - thậm chí có năm còn dưới 15°C khiến cho việc thực hiện các mùa vụ diễn ra một cách chặt chẽ. Để bù lại việc khó tăng mùa vụ cho các loại cây trồng nhiệt đới, việc canh tác hoa màu và một số cây ngắn ngày á nhiệt đới thực hiện được dễ dàng. Nhờ đó cơ cấu cây trồng ở đây trở nên phong phú, đa dạng.

Bình Lục có nhiều sông nội đồng, sông đào chảy trong các ô nội địa tạo ra các kênh tưới tiêu lớn nhỏ. Đáng kể nhất là sông Châu Giang mà người Pháp gọi là *Faux canal de Phủ Lý* (Giả kênh đào Phủ Lý), chi lưu của sông Đáy từ giang phận Phủ Lý chảy vào Bình Lục qua các khu vực Tái Kênh, Đinh Xá, Văn Mỹ, Tràng Duệ, Ngô Khê, Cát Lại, An Bài, Hưng Công, Cổ Viễn, Sơ Lâm, Hàn Mặc, Ngọc Lũ, Văn Ấp, Bình Trung, Vũ Bị và An Ninh, dài 34,250km.

Ở phía nam của huyện là sông Ninh Giang- chi lưu của Châu Giang, chảy qua khu vực An Ninh, Nguyễn Xá, Đông Thành, Vũ Bị, Thành Thị, Hưng Vượng, Vụ Bản, Độ Việt, Xuân Lôi, Khê Câu, An Lã, Duy Dương, Trung Lương, Phù Tải, Mai Động, Tiêu Động, An Lão, Vinh Tứ, Mỹ Đô và Bối Kênh, dài tới 29 km.

Sông Mới được đào từ năm 1903 nối Châu Giang với Ninh Giang, chảy qua An Bài, Ô Mễ, An Tập, Cao Cáo, An Đổ, Trung Lương, Mạnh Chư, Phù Tải và Mai Động dài 9,750 km.

Sông Luyện Giang bắt nguồn từ Châu Giang tại Phù Tải, chạy qua Mạnh Chư, La Hào, La Sơn, An Đổ dài 6 km.

Sông Dương Giang - tục gọi là sông Gừng nối với Châu Giang ở Duy Dương chảy qua An Đổ, An Nội dài 3,500km.

Như vậy, chế độ về thủy văn khá phù hợp với đặc điểm của địa hình và đã tạo ra hai mùa thủy chế khá rõ rệt ở Bình Lục.

Về giao thông đường bộ Bình Lục có đường liên tỉnh 21 và đường sắt xuyên việt chạy qua nối liền Thị xã Hà

THU - VIỆN
TỈNH HÀ NAM

ĐC: 308

Nam với Thành phố Nam Định, ngoài ra còn có đường 62,64,56... và hệ thống đê điều như đê Ất Hợi, đê sông Sắt. Hệ thống giao thông đường bộ này là những tuyến đường nối liền Bình Lục với Ý Yên qua bến đò Vĩnh Tứ để qua đò sang Ninh Bình Tam Điệp, địa bàn Yết hầu cửa ngõ vào Miền Trung, đồng thời nối liền Bình Lục với Lý Nhân, Duy Tiên qua bến chợ sông và Cầu Tái (bến đò Cầu Tứ) để sang khu tả ngạn Sông Hồng nhất là qua Duy Tiên sang Thị xã Hưng Yên xưa là Phố Hiến sầm uất một thời thủ phủ của Sơn Nam trấn từ thế kỷ XVIII về trước. Đây cũng chính là con đường từ Bình Lục qua Duy Tiên lên thẳng thủ đô Thăng Long không qua châu cầu Thị xã Phủ Lý bây giờ mà bằng chứng là những dòng chữ ghi trong tấm bia cổ mang niên hiệu Vĩnh Tộ năm thứ 7 (1625) ở thôn Tái xã Đình Xá nói về việc triều đình cho binh bộ lang Trung Lê Cảnh được công đức vào việc xây dựng cầu Tái để tiện lợi cho việc ra vào chốn đế đô, cầu được xây dựng 30 gian, trên lớp ngói khởi công từ tháng 7 năm Ất Ty (1605) đến tháng 2 năm Bính Ngọ (1606) thì khánh thành. Phần lớn số đường bộ trong huyện đã có từ thời xưa, thời kỳ Pháp thuộc được mở rộng tôn cao và nắn lại cho thẳng, từ sau cách mạng tháng 8, nhất là từ năm 1954 đến nay hệ thống đường bộ của Bình Lục ngày càng được hoàn chỉnh. Đến năm 2005 đã có trên 600 km đường được nhựa hoá, bê tông hoá, đá hoá đạt trên 80% đường giao thông trong huyện, phần còn lại chủ yếu là đường ra đồng.

3. Dân cư và làng xã: Cách ngày nay 4000- 7000 năm con người mới từ các vùng đồi xen thung lũng xuống định cư ở vùng đồng bằng châu thổ. Sau hàng ngàn năm khai phá, họ đã dựng nên những làng mạc khá trù phú. Cùng với quá trình ấy, con người cũng sáng tạo nên văn minh lúa nước, nền văn hoá sông Hồng- tức nền văn hoá đồ đồng rực rỡ- tiêu biểu là những trống đồng tìm thấy ở Ngọc Lũ, Vũ Bị, An Tập và An Lão⁽¹⁾.

Trống đồng là hiện vật tiêu biểu của thời kỳ Hùng Vương- An Dương Vương xây dựng quốc gia Văn Lang- Âu Lạc. Trống đồng là biểu trưng của Nhà nước. Ngoài những công dụng của trống đồng trong thiết chế cộng đồng nó còn để lại một nguồn sử liệu quý trên các hoa văn trang trí.

(1). Vào khoảng năm 1893-1894 các ông Nguyễn Văn ý và Nguyễn Văn Túc cùng với 1 số người khác nữa ở xã Ngọc Lũ trong khi đào đất đắp đê ở độ sâu 2 mét đã tìm thấy chiếc trống đồng này, bèn đưa về đình làng cất giữ. Ngày 15-11-1902, trống Ngọc Lũ được đưa về trưng bày tại Nhà đấu xảo Hà Nội, sau đó trường Viễn đông Bác cổ mua lại. Hiện lưu trữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Ngoài ra, trường Viễn đông Bác cổ còn mua tại Ngọc Lũ một trống đồng khác, đặt tên là *trống Ngọc Lũ II*, hiện lưu trữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. Tháng 6-1981, ông Trần Ngọc Tăng là người trong xã tìm được *trống Ngọc Lũ III* tại chân gò Mả Mọn thuộc cánh đồng Mả Cà, ở độ sâu 0.50 mét, hiện lưu giữ ở địa phương.

Năm 1969, trong khi đào mương, nhân dân Vũ Bị tìm thấy một trống đồng ở độ sâu 1 mét 40 tại cánh đồng Mạc (Mả Chè). Vũ Bị có tên cũ là Đại Vũ, vốn thuộc tổng Ngọc Lũ. Hiện trống được lưu giữ tại địa phương.

Trống đồng An Tập do Tổng đốc Nam Định Vũ Văn Bảo mua tặng, để tại nhà thờ họ La khoảng 1 thế kỷ trước. Hiện chưa rõ ở đâu.

Trống đồng An Lão được phát hiện ở sườn phía nam núi An Lão do trận mưa lớn ngày 14-9-1985 làm sạt lở đất. Trống nằm ở độ sâu 1 mét 50 cùng với 3 thổ đồng. Hiện trống được lưu giữ ở địa phương.

Trước hết, trống đồng được chứng minh là sản phẩm của những tộc người mà nguồn sống chủ yếu dựa vào lúa gạo trong đó người Lạc Việt là những cư dân đầu tiên phát triển nghề trồng lúa nước trên những diện tích rộng lớn. Các mô hình thẩm mỹ trên trống đồng là mô hình hình học bám sát tự nhiên, thể hiện một mỹ cảm về sự nhịp nhàng, cân xứng và trong sáng, thuần khiết tạo ra nền tảng và mẫu số chung về thẩm mỹ Việt Nam sau này. Tính nhân bản của hoa văn trang trí làm cho con người dễ gần gũi, thân quen khi tiếp xúc. Nó đã thể hiện một cách tài tình quan niệm về mặt trời, về hình tượng người phụ nữ, các loại trang phục, nhà cửa, dụng cụ và cả vũ khí. Hội đua thuyền, hội múa, hội giao duyên với chồng hoa chồng nụ, tung còn, tế cột, đâm trâu, những sự vận động trên cơ thể con người từ cách đi, dáng đứng, kiểu ngồi đều mang phong cách thuần Việt tự tin, năng động và phóng khoáng.

Xã hội nông nghiệp được in khá rõ trên các trống đồng ở Bình Lục như cảnh già gạo chày tay trên trống Ngọc Lũ. Cuộc sống sông nước, môi trường châu thổ lấm sông ngòi hiện lên với những loài chim chuyên sống ở vùng đầm lầy, các đoàn thuyền trên tay trống. Nhiều hoạt động nghệ thuật tái hiện sinh động với nhiều nhạc cụ như trống, xênh, khèn, các tốp múa khoác áo lông chim.

Qua các di tích khảo cổ, nhất là hệ thống gò mộ cổ thời Bắc thuộc, dựa vào dấu vết của các bãi sù vệt được đào dưới các độ sâu trên một số cánh đồng thuộc Bình Lục, ta thấy rõ những trăm năm đầu của thiên niên kỷ thứ nhất, vùng đất

này rất gần biển khơi. Các đợt di dân, chuyển cư, lấn biển đã tạo nên sự trù phú, đông vui của địa phương. Dù đã trải qua hàng ngàn năm, nhân dân Bình Lục vẫn ghi lòng tạc dạ nhiều truyền thuyết về quá trình dựng làng ấp, về những dòng họ có công lao khai phá đầu tiên. Những nhân vật góp mặt trong buổi đầu khai thiên lập địa đó trở thành các thành hoàng được phụng thờ trong đình làng Ông Cách (La Sơn), thôn Trần (Đình Xá), thôn An Dân (Tràng An). Nhiều người về lập nghiệp ở địa phương có cả dòng dõi hoàng tộc, con cái danh tướng như họ Lê ở thôn Phạm Xá (Đình Xá), hoặc họ Đặng ở làng Thành Thị (Vụ Bản), họ Trần ở thôn Văn An (Vụ Bản) thuộc dòng dõi Đặng Đình Tướng, Trần Khát Chân.

Trải qua các thời kỳ, có nhiều sự chuyển cư qua lại với các khu vực xung quanh, làng xóm đã được tạo dựng. Đó chính là những hạt nhân của xã hội, cái nôi của nền văn hoá dân tộc. Qua quá trình dài sinh hoạt trong cộng đồng, con người đã xác lập nên hạt nhân của chế độ tự quản làng là chế độ công điền công thổ - trong đó, nhiều nơi đã thực thi tốt và biến nó thành thuần phong mỹ tục.

Các điểm quần cư thường tập trung ở vùng đất cao ven sông, ven ô trũng. Mùa mưa lũ đi lại bằng thuyền. Diện tích đất ở thường hẹp. Các điểm quần cư thưa và xa nhau. Nơi nào thuận lợi thì quy tụ hàng chục làng trên một địa điểm. Với quá trình phát triển của lịch sử, trên địa bàn Bình Lục, một điều dễ nhận thấy là từ làng thị tộc với chế độ sở hữu

công xã nông thôn dưới thời phong kiến và đến thế kỷ XV chuyển thành làng tiểu nông.

Với 67 xã khi đó, Bình Lục có hàng trăm thôn xóm, tức hàng trăm điểm tụ cư khác nhau. Mỗi quan hệ khép kín cùng với lối cư trú theo dòng họ- huyết thống biểu hiện khá rõ theo kết cấu xóm ngõ và phe giáp. Hầu như làng nào cũng chia thành vài ba giáp. Giáp lo toan về *phù sinh tổng tử, quản lý nhân đình, phân cấp công điền công thổ*.

4. Hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội: Trong sản xuất nông nghiệp người nông dân Bình Lục đi từ kỹ thuật canh tác theo nước triều lên xuống đến việc định ra được lịch thời vụ, trong đó chủ yếu là cấy lúa chiêm với các biện pháp thâm canh, thuỷ lợi, tập hợp cơ cấu giống cây trồng, chọn các giống thích nghi với thổ ngơi. Giống lúa *Câu cánh* của An Lão ngon có tiếng, tương truyền được dùng để cung tiến và giá omer từ hạt bông để nấu thành món *canh bún giá bông* rất được ưa chuộng. Việc trị thuỷ và xây dựng hệ thống đê điều được nhân dân chú trọng từ rất sớm, luôn vươn lên để giành giật với thiên nhiên nhưng do địa hình thấp trũng nên việc trồng lúa chủ yếu chỉ trông cậy vào vụ chiêm, nhất là khi sông Châu Giang bị lấp ở Vĩnh Trụ, Phương Trà (Lý Nhân) nước không thoát ra sông Hồng được. Khi sông Đáy làm xong cống tiêu nước, diện tích lúa mùa mới tăng lên đáng kể. Năm 1935, Bình Lục có 32.640 mẫu lúa chiêm, 9.000 mẫu lúa mùa và 2.000 mẫu trồng màu. Nhìn chung tình trạng chiêm khê mùa thối chưa thay đổi nhiều. Ngoài sản xuất

nông nghiệp nhân dân Bình Lục ở một số thôn xã còn làm thêm nghề thủ công trong những ngày nông nhàn mà hầu hết các nghề đó đều liên quan đến nông nghiệp như nghề dệt vải kéo sợi ở Ngọc Lũ, An Nội, Bồ Đề ... nghề xe gai, đan lưới, đan võng ở An Bài, nghề đan lát tre nứa và làm lược bí ở An Nội, nghề áp vẹt ở Đồng Du, Trịnh Xá, Bồ Đề. Nghề làm bún bánh ở Đình Xá, Vũ Bản, An Ninh . Nổi lên hơn cả là 1 số nghề cổ truyền nổi tiếng 1 thời hoặc sản phẩm được tiêu thụ rộng rãi ở nhiều địa phương như nghề mộc, dựng nhà cửa đình chùa ở Vũ Bản, nghề nhuộm và nghề làm quạt ở Phú Đa Bối Cầu, nên có câu ca rằng:

Quạt nan mũ bạc nhài đồng

Phú Đa thợ nhuộm trát hồng tô xanh.

Ở Đô Hai xã An Lão từ nghề truyền thống lâu đời làm rế quạt bằng sừng trâu và xương trâu mà ngay từ những thập niên đầu thế kỷ 20 nhân dân địa phương đã tiến hành làm các mặt hàng mỹ nghệ bằng sừng, sản phẩm làm ra trước chiến tranh thế giới lần thứ 2 đã từng được xuất sang Pháp. Sau những bước thăng trầm làng nghề phải nhiều lần chuyển đổi mặt hàng cho phù hợp . Hiện nay sản phẩm mỹ nghệ bằng sừng là mặt hàng xuất khẩu được nhân dân nhiều nước yêu chuộng. Ngoài những nghề thủ công mỹ nghệ ở 1 số vùng trong huyện đã có 1 số người làm nghề y cổ truyền bốc thuốc chữa bệnh, đặc biệt là nhân dân làng Sái (An Thái) xã An Mỹ có truyền thống chữa bệnh vô sinh bằng phương pháp đông y khá nổi tiếng .

Việc buôn bán trong huyện xưa nay thuận lợi nhờ có giao thông thủy bộ thông suốt. Các chợ ở Bình Lục tuy là chợ vùng nhưng có sức cuốn hút mạnh mẽ nhiều tổng xã và các huyện xung quanh. Có chợ như Quán Tiên (Tiên Quán), chợ Bồ Đề (Bình Trung) họp vào tất cả các buổi sáng trong tháng; có chợ như chợ Trâu (An Đổ), chợ Phó Tái (Đình Xá), họp tháng 6 phiên; chợ Và (Vị Hạ), chợ Sái (An Thái), chợ Quán (Cổ Viên), chợ Vọc (Thành Thị), chợ Chùa đô (Vụ Bản), chợ Chấp (Văn Ấp) tháng họp 9 phiên. Các chợ khác như chợ Họ (Duy Dương), chợ Giải (Phù Tái), chợ Thọ (Mỹ Thọ), chợ Lão (An Lão), chợ Môi (Mai Động), chợ Giầm (Tiêu Động), chợ Cầu Đầm (Tiêu Viên), chợ Đôn (An Ninh), chợ Chủ (Ngọc Lũ), chợ Đôn (Đôn Thư), chợ Nội (Đồng Du), chợ Bùi (Trịnh Xá), chợ Sông (Ngô Khê), tháng họp 12 phiên. Phố Phủ cũng một thời tấp nập kẻ bán người mua. Tuy nhiên, hầu hết những người buôn bán ở các chợ chỉ là các tiểu thương hoặc bán nông bán thương, chưa hoàn toàn thoát ly khỏi xóm làng, đồng ruộng. Sản phẩm trao đổi chủ yếu vẫn là thóc gạo, thực phẩm, gia súc, gia cầm hoàn toàn là tự sản tự tiêu.

Theo thống kê sơ bộ, vào đầu thế kỷ XX, toàn huyện Bình Lục có trên 180 ngôi đình, như vậy làng nào cũng có tới 1-2 ngôi đình để thờ đức Thành hoàng, dùng làm nơi họp dân đình khi có việc, nơi tế tự và tổ chức hội lệ. Ở Ngọc Lũ có

đình công hàng xã, 2 miếu thờ đặt ở hai bên; thôn Chợ Kênh và Bến Đò đều có đình nhỏ gọi là *van*. Đình công ở Thành Thị thờ Trần Thái Tông và Trần Hưng Đạo. Đặc biệt xã Vũ Bản có tới 11 ngôi đình. Việc thờ tự nhiều nơi còn thực hiện ở đền- thường là thờ vọng; ít nơi dùng đền làm nơi thờ chính và có nơi Đình còn thực hiện chức năng của chùa và phủ (thờ cả phật lẫn tiên).

Các thần được thờ ở đình, đền gồm nhân thần và thiên thần. Nhân thần có thể là những người có công với đất nước hoặc xóm làng như đình Tái Kênh thờ Quỳnh Trân Công chúa; đình Gôi thờ Học Công, Ngọc Nương, Hồng Nương; đình Cát thờ 3 chị em họ Trương; đình Nhân Dục thờ các tướng sĩ của 2 Bà Trưng. Một số đình khác như Mỹ Đô thờ Đương Chu; đình Thanh Khê thờ Nguyễn Ninh, Nguyễn Tĩnh; đình Mai Động thờ Phạm Hán, Phạm Phổ là các danh tướng thời Đinh. Thần được thờ có thể là thần sông, thần biển, thần núi.

Miếu ở Bình Lục khá nhiều⁽¹⁾, thường dựng ở gò cao, ven sông, đầu hoặc cuối làng với các tên gọi khác nhau (miếu sơn thần, miếu hà bá, miếu hậu thổ, miếu cô hồn). Để có tiền của sử dụng cho việc cúng tế ở đình, đền, miếu các làng thường giành một số tự điền- tức là ruộng cúng thần linh, và tự trạch (ao, hồ, đầm). Hàng năm việc cúng tế thường diễn ra

(1). Tổng Bò Xá 27 miếu, tổng An Đổ 24 miếu, tổng Mai Động 15 miếu, tổng Ngọc Lũ 13 miếu, tổng Ngô Xá và Văn Mỹ- mỗi tổng 12 miếu, tổng Vũ Bản và Cổ Viên- mỗi tổng 11 miếu.

vào dịp khai hạ, thượng nguyên, xuân tế, kỳ an, hàn thực, thanh minh, hạ điền, đoan ngo, trung nguyên, thu tế, trung thu, trùng cừ, cơm mới, lập tiết, ông công. Khi gia đình có việc vui mừng, tang chế đều đến đình cầu khẩn thần linh.

Đạo Phật du nhập vào Bình Lục muộn nhất là vào thời Lý, dấu tích còn khá rõ ở ngôi chùa An Lão mà sách *Việt sử lược* cho biết chùa này được xây dựng vào năm Hội Phong thứ 8 nhà Lý (1099) - nay vẫn còn nhiều gạch ngói, hoa óng và quy mô nền móng để minh chứng điều ghi chép đó.

Đạo công giáo phát triển ở địa phương ở cuối thế kỷ XIX với nhiều, nhà thờ, nhà nguyện được dựng tại Hà Nội, Hà Ngoại, Đại Phú, Cao Dương, An Tập, Trung Lương, La Cầu, Đạo Truyền, Tiên Lý, Thanh Nghĩa, Văn Khê, Đồng Lãm, Bối Kênh, Mai Động, Mỹ Đô, Tiêu Động, Tiêu Viên, Vinh Tứ, An Nội, Cổ Viễn, Hàn Mặc, Hưng Công, Nhân Trai, Viễn Lai, Cát Lại, Đình Xá, Mỹ Duệ, Khê Cầu, An Bài, Hoà Mục, Công Dân, Ngọc Lũ...

Núi An Lão của huyện được mệnh danh là một danh thắng tiêu biểu của Bình Lục, còn có tên là Nguyệt Hằng, Quế Thường, Lão Sơn, Quế Sơn, Tượng Sơn. Xưa kia các tao nhân mặc khách thường tới du ngoạn vãn cảnh ngọn núi có hình của cái lọng tròn này. Xưa, chùa Tiên được xây dựng bằng đá với 6 pho tượng đá và một bàn cờ tiên được dựng ở trên núi, chúa Trịnh đến viếng có đề thơ tặng lại. Tam nguyên An Đổ Nguyễn Khuyến lấy tên Quế Sơn làm tên hiệu của mình cũng có thơ ca tụng.

Ngoài ra, trong huyện còn di tích phủ đệ của Thái sư Thượng phụ Trần Thủ Độ ở Thành Thị (thời Trần nơi đây gọi là Quốc Hương hoặc Giác Hương, thời Nguyễn Gia Long ghi là Cổ Thị). Nay còn đền thờ liên với cánh đồng *Thượng phụ*, có đường tới *Chân Thành Nội*, *Chân Thành Ngoại*. Đây vốn là trung tâm của căn cứ Thiên Trường hồi kháng chiến chống Nguyên Mông. Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung đã từng đưa đoàn thuyền của Hoàng Thái tử và các cung phi, công chúa cùng vợ con tướng lĩnh về đây lánh nạn. Khu vực Đình Cả và khu chùa Thành Thị khi đào lên còn bắt gặp nhiều đồ gốm thời Trần. ở làng Vũ Bị có phủ thờ Thềm Hoa công chúa, thời Lý bị Trần Thủ Độ đưa về an trí ở đây. Hiện còn cột đá *Thạch kiệt* ghi lại số ruộng của công chúa và đôi câu đối:

“Thần minh đế trụ, Cổ Pháp cựu sơn hà, bát diệp tôn diệp truyền quốc tử.

Anh kiệt nữ lưu, Vũ toà thử lãng miếu, tứ thời ba thảo đới thiên hương”.

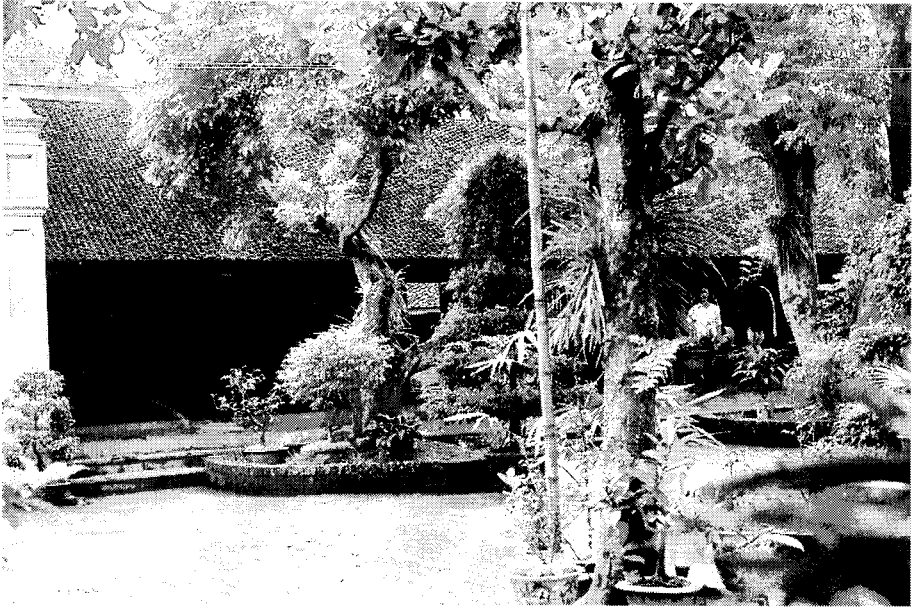
Tám bia đá được khắc từ đời Trần Dụ Tông, niên hiệu Đại Trị (1358- 1369) ở chùa Dâu (Đình Xá) cũng là một di sản có giá trị. Văn bia còn đọc được cho biết vào năm Hưng Long thứ 6 (1298), Trần Anh Tông ban tên hiệu cho Ngô Lãm- người thôn Mai là *Ngô Không cư sĩ*. Đến ngày 25 tháng 8 năm Hưng Long thứ 12 (1304) Ngô Không cư sĩ đưa hài cốt của viên Đại sa môn về táng ở khu núi đất, tâu xin nhà vua lấy ruộng của am Long Hưng cấp cho am nhỏ thôn Mai.

Những di tích lịch sử và dấu vết còn lại minh chứng nhiều nơi trên đất Bình Lục xưa gắn bó với hai vương triều Lý-Trần, nếu đi sâu nghiên cứu chắc chắn sẽ khai thác được nhiều tư liệu quý giá.

Bình Lục cũng nổi tiếng vì truyền thống cử nghiệp và hiếu học. Nhiều làng xóm đã xây văn từ, văn chỉ để thờ phụng ông tổ của đạo Nho và ghi danh các bậc tiên hiền như Thành Thị, An Bài, Cát Lại, Vũ Bản, Hưng Công, Tử Thanh, Đồng Xuân, Thượng Thọ, Tập Mỹ. Nhiều làng xóm khác được các đời ngợi ca, truyền tụng .

Theo truyền thuyết, từ thời Lý, làng Đồn Xá đã có Lý Công Bình thi đậu Thái học sinh; thời Lê có Bùi Tử Kiến-Bùi Tử Lãm ở Mỹ Thọ đỗ tiến sĩ; Trần Văn Bảo đỗ Đệ nhất giáp danh (Trạng nguyên) là người Phù Tải, làm đến Binh bộ Thượng thư, được thờ ở miếu Đông Lân và ở Mạnh Chư có *Trạng Dừa (Trạng Lợn)*.

Tuy nhiên, nếu căn cứ vào sử sách ghi chép lại thì các bậc đại khoa của Bình Lục nở rộ từ đầu thế kỷ XV gồm Nguyễn Khắc Hiếu (1429), Phạm Phổ (Trịnh Xá, 1463), Trần Thế Vinh (Bình Trung, 1499), Nguyễn Tông Mại (An Đổ, 1736), Nguyễn Kỳ (An Lão, 1748), Nguyễn Khuyến (An Đổ, 1871), Nguyễn Hoan (An Đổ, 1889). Kho tàng văn học dân gian của Bình Lục khá rực rỡ và phong phú. Nhiều ca dao, tục ngữ được nảy sinh từ cuộc sống lao động ca ngợi quê hương, xóm làng, ca ngợi nghề nghiệp của cha ông.



*Từ đường Tam nguyên Yên Đổ di tích lịch sử văn hoá
thôn Vị Hạ, xã Trung Lương.*

Bình Lục là quê hương của nhiều chuyện kể dân gian nổi tiếng như truyện Trạng Lợn Dương Đình Chung ở Mạnh Chư cùng với hàng trăm huyền tích, huyền thoại khác về hàng loạt những nhân vật thần thoại, những nhân vật có thật đã điễm tô cho sự đa dạng, phong phú của kho tàng trí tuệ còn lưu trong nhân dân.

5. Truyền thống thượng võ của nhân dân Bình Lục

Hội hè dân gian ở Bình Lục thông qua một số nét sinh hoạt văn hoá từ lâu đã là một khía cạnh về truyền thống thượng võ của nhân dân địa phương. Mùa xuân đến, lễ hội diễn ra suốt một vùng rộng lớn, từ Hoà Trung (An Mỹ), Nguyễn Xá (An Đổ) đến Ngô Khê, Cát Lại, An Dương, An Tập, Vụ Bản, Vũ Bị, An Bài, Đồng Vinh, Đỗ Khê. Lại có tục cướp cầu (vật cù) ở La Cầu, Ngô Khê, Tràng An; múa rồng, múa sư tử ở Vụ Bản; đánh đu ở Đồng Du, Đồng Dồi, La Hào, Tập Mỹ hoặc những đêm hát trống quân ở Trần Bái, Đinh Xá, Vị Hạ, Trung Lương. Đặc biệt nhất là võ vật diễn ra ở nhiều nơi trên đất Bình Lục.

Những câu ca dao tục ngữ đã ghi nhận niềm tự hào kiêu hãnh đối với bao trai tài, gái giỏi mang nặng truyền thống thượng võ của nhân dân Bình Lục. Không những thế, nó còn được đúc kết lại như những thành ngữ: *Võ quyền Sở Đọ, lờ đó Cháy Chằm, tơ tằm Dằm Giải; Tiên Lý miếng gông, Thượng Đồng miếng bấc; Vật bé Giải Dằm, vật năm Ba Chạ.*

Chính truyền thống thượng võ tốt đẹp kể trên đã tạo nên tinh thần dũng cảm quật cường của nhân dân Bình Lục trước

họa ngoại xâm. Nguyễn Thị Quỳnh Trân, quê xã Tái Kênh mới 16 tuổi vì căm giận Tô Định sát hại thân phụ đã tụ tập hàng trăm trai tráng dựng cờ khởi nghĩa, được nhân dân suy tôn là *Đức Lý Vua bà* rồi hợp binh với Hai Bà Trưng ở Hát Môn đuổi giặc Hán ra khỏi cõi bờ. Khi Mã Viện đem quân sang xâm lấn, Quỳnh Trân anh dũng cự địch ở vùng Phạt Tích (Tiên Du- Bắc Ninh), giữ tròn khí tiết đến hơi thở cuối cùng; về sau dân làng Tái Kênh lập miếu phụng thờ, dâng lên thân hiệu *Đô Đức lý Vua bà Quỳnh Trân Công chúa*. Phạm Hán, Phạm Phổ quê làng Mai Động lớn lên giữa thời 12 sứ quân tranh giành quyền lực, đã mộ quân đánh cho Ngô Nam, Phạm Phòng át nhiều trận toi bời, sau theo về Đinh Bộ Lĩnh lập nhiều công lớn, giúp nhiều cho việc thống nhất đất nước thời Đinh.

Dưới thời Trần, Hồ Tố quê làng An Lão, chiến đấu dũng cảm cứu được vua Trần Nhân Tông thoát khỏi vòng vây, hiến kế cho Trần Hưng Đạo cắm chông và lưới sắt trên sông Bạch Đằng chặn giặc. Liễu Toàn, quê làng Văn Mỹ, sát cánh chiến đấu bên cạnh Trần Hưng Đạo, luôn cầm quân đi tiên phong, lập nhiều công lớn.

Khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa trên đất Lam Sơn (Thanh Hoá) có Lê Nguyên, Lê Thuận và Lê Toàn người xã Văn Mỹ đã 10 năm sát cánh cùng người anh hùng áo vải chiến đấu chống quân Minh xâm lược. Ngoài ra, còn tám gương chiến đấu của Nguyễn Thị Huệ- đã từ quê mẹ là làng Cổ Thọ đến đầu quân và cùng bà Lương dùng kế dụ địch chui vào túi